

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
NGHỆ AN**

Bản án số: 03/2020/HSST
Ngày: 15-01-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Duệ

2. Ông Phan Bá Lịch

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Văn Linh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên

Ngày 15/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 78/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo:

Cao Văn H, tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1993 tại huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Nơi thường trú: Bản T, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An (Nay là bản M, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Mù chữ; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Cao Văn N (Đã chết) và bà Lương Thị Ng; Vợ - Con: Chưa có; Tiền án - Tiền sự: Chưa có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2019 đến nay; Có mặt.

Bị hại: Bà Lô Thị L. Sinh năm 1924. Trú tại: Bản T, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An (Nay là bản B, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An). Vắng mặt.

Người phiên dịch cho bị hại: Bà Lữ Thị Th. Sinh năm: 1987. Nơi công tác: Hội liên hiệp phụ nữ huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phạm Thị H. Sinh năm: 1984. Trú tại: Khối H, thị trấn Q, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Vang Văn V. Sinh năm 1983. Trú tại: Bản T, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An (Nay là bản M, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An). Vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Vi Văn L. Sinh năm: 1962. Trú tại: Bản T, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An (Nay là bản B, xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 28/8/2019, Cao Văn H đến nhà bà Lô Thị L để vay số tiền 200.000^d. Quá trình bà L lấy tiền thì H biết chỗ bà L cất giấu tài sản. Khoảng 21 giờ ngày 29/8/2019, H nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của bà L nên H đã đến nhà bà L. Lúc này thì bà L đi vắng nên H đã vòng ra phía sau nhà, trèo lên cột nhà và lấy trên vách nhà một túi nilon bên trong có tài sản rồi H đi về nhà. Khi về đến nhà thì H mở túi nilon ra và lấy số tiền 7.800.000^d cùng 02 chiếc nhẫn vàng bỏ vào túi quần rồi đi ngủ. Sau đó, H tiêu xài hết số tiền 7.800.000^d. Đến ngày 08/9/2019, H đem vàng đi bán thì gặp Vang Văn V nên đã đưa cho V 01 chỉ vàng và nói bán lấy tiền đi chơi. V cầm chiếc nhẫn đến bán cho chị Trần Thị L, trú tại xóm M, xã C, huyện Quỳnh Châu lấy số tiền 3.800.000^d, V đưa cho H 3.500.000^d rồi cả hai cùng đi lên huyện Quế Phong tiêu xài hết. Đến ngày 11/9/2019, H và V cùng nhau đi xuống địa bàn huyện Quỳnh Hợp và trên đường đi H đã đưa cho V chiếc nhẫn còn lại để bán. V đã đem bán cho chị Phạm Thị H lấy số tiền 3.950.000^d, V đưa cho H 3.700.000^d rồi cả hai ăn uống tại Quỳnh Hợp sau đó đi về nhà. Ngày 12/9/2019, H đã đến đầu thú tại cơ quan Công an huyện Quỳnh Châu và giao nộp số tiền 2.215.000^d. Vang Văn V sau khi bán 02 chiếc nhẫn vàng đã giữ lại 550.000^d, V đã dùng số tiền trên đồ xăng xe máy để đi chơi cùng với H. Còn lại 200.000^d, V đã giao nộp cho cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu hồi 02 chiếc nhẫn vàng mà H và V đã bán cho bà Trần Thị L và chị Phạm Thị H. Hiện nay, cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Lô Thị L 02 chiếc nhẫn vàng và số tiền 2.415.000^d.

Tại Bản kết luận giám định số 2264/C09-P4 ngày 30/9/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng kiểu mặt vuông khắc hoa văn và chữ Q, mặt trong nhẫn có khắc các chữ số “KIMTHANH HUY 1C 99” gửi giám định có khối lượng 3,74g là vàng (Au), hàm lượng Au 99,85%; 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng kiểu mặt vuông có khắc các số “555” gửi giám định có khối lượng 3,74g là vàng, hàm lượng Au 99,63%.

Tại bản Kết luận định giá số 38/KL-HĐĐGTS ngày 16/10/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND huyện Quỳnh Châu kết luận: 02 chiếc nhẫn kim loại, có tổng khối lượng 7,48g tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị thành tiền là 7.800.000^d.

Bà Lô Thị L trình bày: Vào ngày 30/8/2019, bà Lô Thị L phát hiện thấy bọc tiền, vàng gồm 02 chiếc nhẫn vàng và số tiền 7.800.000^d mà bà cất trong nhà đã bị kẻ gian lấy trộm. Bà đã làm đơn trình báo gửi cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu. Quá trình điều tra đã làm rõ hành vi trộm cắp tài sản của Cao Văn H. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại cho bà L 02 chiếc nhẫn vàng và số tiền 2.415.000^d. Mẹ của Cao Văn H (Bà Lương Thị Ng) đã bồi thường cho bà L số tiền 2.000.000^d. Nay, bà Lô Thị L yêu cầu Cao Văn H phải tiếp tục bồi thường cho bà số tiền 3.385.000^d và xin giảm nhẹ về mặt hình phạt cho bị cáo H.

Chị Phạm Thị H trình bày: Vào ngày 11/9/2019, chị H có mua của một nam thanh niên 01 chiếc nhẫn vàng với số tiền 3.950.000^d. Ngày 12/9/2019, sau khi chị

H biết được đó là tài sản do phạm tội mà có thì chị H đã giao nộp lại chiếc nhẫn vàng nói trên cho cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu. Nay, chị Huyền yêu cầu bị cáo Cao Văn H phải hoàn trả lại cho chị số tiền 3.950.000^d.

Cáo trạng số 68/CT-VKS-HS ngày 13/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu đã quyết định truy tố Cao Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKS thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như nội dung Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 - khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lô Thị L số tiền 3.385.000^d và bồi thường cho chị Phạm Thị H số tiền 3.950.000^d. Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung truy tố của Cáo trạng và không có ý kiến gì trong phần tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị hại, người phiên dịch cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Lô Thị L, bà Lữ Thị Th, chị Phạm Thị H, anh Vang Văn V và ông Vi Văn L đều vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã làm rõ các vấn đề liên quan đến yêu cầu bồi thường, người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa không cần sự có mặt của người phiên dịch. Xét thấy, việc vắng mặt bà Lô Thị L, bà Lữ Thị Th, chị Phạm Thị H, anh Vang Văn V và ông Vi Văn L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 292, 293 và 295 BLTTHS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[1.3] Về sự thay đổi địa danh nơi cư trú của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác: Ngày 29/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung với nội dung liên quan đến địa danh nơi cư trú của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Tuy nhiên, cơ quan Điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu không thực hiện yêu cầu này. Căn cứ vào biên

bản xác minh lập ngày 14/11/2019 và Sổ hộ khẩu của gia đình Cao Văn H đã xác định được địa danh nơi cư trú của bị cáo là “Bản T 2, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An” và của bị hại là “Bản T 1, xã Châu Phong, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An”. Tại biên bản xác minh lập ngày 14/01/2020 thể hiện: Hiện nay, trên địa bàn xã C, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, “bản T 1” có tên gọi là “bản B” và “bản T 2 có tên gọi là “bản M”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như sau: Vào ngày 29/8/2019, tại nhà của bà Lô Thị L, bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 02 chiếc nhẫn vàng và số tiền 7.800.000^d. Sau khi tiêu xài hết số tiền thì vào các ngày 08 và 11/9/2019, H đã đưa cho Vang Văn V 02 chiếc nhẫn vàng đem bán tại địa bàn huyện Quỳnh Châu và huyện Quỳnh Hợp. Vang Văn V đã đưa cho bị cáo tổng số tiền là 7.200.000^d. Bị cáo cùng với V đã sử dụng số tiền này đi chơi và tiêu cái cá nhân. Ngày 12/9/2019, bị cáo đã đầu thú tại cơ quan Công an huyện Quỳnh Châu và giao nộp số tiền còn lại là 2.215.000^d.

Thấy rằng lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt trái phép của bà Lô Thị L 02 chiếc nhẫn vàng và số tiền 7.800.000^d, số tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà L có tổng trị giá là 15.600.000^d (Mười lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Như vậy, bị cáo Cao Văn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS đúng như nội dung truy tố của Cáo trạng.

[2.2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo có đủ nhận thức để biết rằng tài sản của người khác là bất khả xâm phạm. Vì bản thân lười lao động, không có nghề nghiệp và thu nhập nên bị cáo đã có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác nhằm phục vụ cho mục đích chơi bời, tiêu xài cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất an ninh trật tự trên địa bàn và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt nghiêm và lên cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng nhằm răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ thái độ biết ăn năn hối cải. Đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo về mặt hình phạt. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 - khoản 2 Điều 51 BLHS để xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[2.3] Hình phạt bổ sung: Bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn và không có tài sản. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[2.4] Về trách nhiệm dân sự: Bà Lô Thị L yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà số tiền 3.385.000^d và chị Phạm Thị H yêu cầu bị cáo phải hoàn trả

cho chị số tiền 3.950.000^d. Thấy rằng, thiệt hại của bà Lô Thị L và chị Phạm Thị H là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Vì vậy, yêu cầu của bà L và chị H là có cơ sở, cần được chấp nhận. Cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Lô Thị L và chị Phạm Thị H như yêu cầu.

Nếu sau này giữa bị cáo Cao Văn H và anh Vang Văn V có tranh chấp về nghĩa vụ bồi thường thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 - khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS. Xử phạt Cao Văn H 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/9/2019.

- Căn cứ Điều 48 BLHS; các Điều 584, Điều 589 BLDS. Buộc Cao Văn H phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lô Thị L số tiền 3.385.000^d (Ba triệu, ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và bồi thường cho chị Phạm Thị H số tiền 3.950.000^d (Ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ vào điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Buộc Cao Văn H phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 360.000^d (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí DSST.

- Bị cáo được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lô Thị L, chị Phạm Thị H và anh Vang Văn V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND; Công an; THADS H.Quỳ Châu;
- VKSND; Trại tạm giam CA T.Nghệ An;

- Phòng KTNV-TAND tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; Bị hại
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

Trần Hoài Nam